

LỜI NÓI ĐẦU

Kinh tế quốc tế là môn khoa học kinh tế nghiên cứu tính quy luật của sự phụ thuộc lẫn nhau về mặt kinh tế giữa các quốc gia, nghiên cứu sự trao đổi hàng hoá, dịch vụ, sự vận động của các yếu tố sản xuất, sự chuyển đổi tiền tệ và cán cân thanh toán giữa các quốc gia, nghiên cứu các chính sách điều chỉnh quá trình vận động và trao đổi.

Sự hình thành và phát triển của quan hệ Kinh tế quốc tế là một tất yếu khách quan. Ban đầu đó là sự trao đổi sản phẩm giữa các quốc gia do sự khác biệt về điều kiện tự nhiên như đất đai, khoáng sản, tài nguyên rừng, tài nguyên biển, khí hậu .v.v... Tiếp theo, do sự phát triển của khoa học và công nghệ, giữa các nước còn nảy sinh sự khác biệt về trình độ kỹ thuật, bí quyết công nghệ, nguồn vốn tích lũy, nguồn lao động, trình độ quản lý ... Điều đó đạt tới sự trao đổi các yếu tố của quá trình sản xuất, tức là làm cho trao đổi quốc tế phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu. Cơ sở của việc hình thành và phát triển các quan hệ kinh tế còn do lợi ích trong chuyên môn hoá, trong việc đạt tới quy mô tối ưu của những ngành sản xuất, trong việc đa dạng hoá nhu cầu tiêu dùng của dân cư và sự phân biệt trong nhu cầu và khả năng thanh toán của họ ...

Trong điều kiện toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế diễn ra ngày càng mạnh mẽ, mỗi quốc gia cần phải tích cực và chủ động tham gia để đạt tới vị trí thuận lợi trong nền kinh tế thế giới. Điều đó có nghĩa là mỗi quốc gia cần phát triển mạnh mẽ lĩnh vực kinh tế đối ngoại, bao gồm thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế và di chuyển quốc tế về lao động, hợp tác về kinh tế và khoa học - công nghệ, các dịch vụ thu ngoại tệ (giao thông vận tải quốc tế, du lịch quốc tế, thông tin liên lạc quốc tế .v.v...). Trên ý nghĩa đó việc nghiên cứu môn học kinh tế quốc tế là rất cần thiết, có ý nghĩa cả về lý luận và phương pháp luận, tạo điều kiện cho việc tổ chức và quản lý lĩnh vực kinh tế đối ngoại của mỗi quốc gia đạt hiệu quả cao.

Để đáp ứng yêu cầu giảng dạy và học tập theo chương trình khung của Tổng cục dạy nghề ban hành Theo quyết định số 15/2008/QĐ – BLĐTBXH đào tạo hệ Cao đẳng nghề Kế toán Doanh nghiệp . Trường Cao đẳng nghề Nam Định phân công giao nhiệm vụ cho Tổ môn Kế toán Doanh nghiệp .Tổ chức biên soạn

giáo trình ((Kinh Tế Quốc Tế)) . Là tài liệu chính thức sử dụng giảng dạy và học tập cho sinh viên , đồng thời là tài liệu tham khảo cho những ai quan tâm đến lĩnh vực này .

Nội dung cuốn sách gồm 5 chương đề cập toàn bộ kiến thức về nội dung môn học bao gồm .

Chương 1: Những vấn đề chung về kinh tế quốc tế

Chương 2: Thương mại quốc tế và chính sách thương mại quốc tế

Chương 3: Đầu tư quốc tế

Chương 4: Cán cân thị trường và thị trường tiền tệ quốc tế

Chương 5: Liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế

Do thời gian và trình độ còn hạn chế nên giáo trình khó có thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định . Chúng tôi mong nhận được sự đóng góp của bạn đọc để giáo trình được hoàn thiện hơn nữa /.

HỘI ĐỒNG KHOA HỌC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ NAM ĐỊNH
TỔ MÔN KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Chương 1**TỔNG QUAN VỀ NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI
VÀ GIỚI THIỆU MÔN HỌC KINH TẾ QUỐC TẾ****1. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI**

Cùng với sự phát triển của lịch sử loài người, các hoạt động kinh tế diễn ra với quy mô ngày càng lớn, phạm vi các quan hệ kinh tế ngày càng rộng, tính chất của chúng ngày càng cao. Từ khi phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ra đời, quan hệ thương mại giữa các quốc gia ngày càng phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu, sự phân công lao động diễn ra ở tầm quốc tế, các doanh nghiệp tìm cách mở rộng thị trường ra nước ngoài, các quan hệ kinh tế quốc tế diễn ra không những trên lĩnh vực thương mại mà cả trên lĩnh vực đầu tư, lĩnh vực chuyển giao công nghệ, lĩnh vực di chuyển quốc tế sức lao động và nhiều lĩnh vực khác. Do sự phát triển của các hoạt động thương mại quốc tế và các hoạt động trao đổi quốc tế khác, thị trường thế giới được hình thành. Nhưng không phải khi hình thành thị trường thế giới là đã xuất hiện khái niệm nền kinh tế thế giới. Khái niệm nền kinh tế thế giới chỉ ra đời trên cơ sở sự phát triển đến một trình độ nhất định không những của các nền kinh tế quốc gia mà quan trọng hơn là sự phát triển đáng kể của các quan hệ kinh tế quốc tế, vì chính các quan hệ kinh tế quốc tế này mới làm cho các nền kinh tế quốc gia liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau, tác động quan lại và thúc đẩy lẫn nhau tạo nên tính thống nhất, tính chỉnh thể của nền kinh tế thế giới.

2. KHÁI NIỆM VÀ CƠ CẤU NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI.**2.1. Khái niệm**

Nền kinh tế thế giới là tổng thể các nền kinh tế của các quốc gia trên trái đất có mối liên hệ hữu cơ và tác động qua lại lẫn nhau thông qua sự phân công lao động quốc tế cùng với các quan hệ kinh tế quốc tế của chúng. Sự phát triển của nền kinh tế thế giới phụ thuộc trước hết vào trình độ phát triển của lực lượng sản xuất của phân công lao động quốc tế và của việc phát triển quan hệ kinh tế quốc tế. Ngày nay nền kinh tế thế giới là một thực thể kinh tế đặc thù, duy nhất, có cơ cấu nhiều tầng nấc, nhiều cấp độ quan hệ với những phạm vi hoạt động

khác nhau. Các bộ phận cấu thành nền kinh tế thế giới tác động qua lại, nhiều chiều trong sự vận động không ngừng cả về mặt lượng và mặt chất. Nền kinh tế thế giới, theo cách tiếp cận hệ thống bao gồm hai bộ phận cơ bản sau đây:

* **Bộ phận thứ nhất là các chủ thể kinh tế quốc tế:** Đây là những người đại diện cho nền kinh tế thế giới và là nơi phát sinh ra những quan hệ kinh tế quốc tế. Sự tách biệt về sở hữu và địa vị pháp lý trong các quan hệ kinh tế quốc tế là cơ sở hình thành các chủ thể kinh tế quốc tế độc lập. Các chủ thể kinh tế quốc tế tác động qua lại lẫn nhau làm xuất hiện các mối quan hệ kinh tế quốc tế. Các chủ thể kinh tế quốc tế bao gồm các thực thể kinh tế với các cấp độ khác nhau:

- Các nền kinh tế quốc gia độc lập trên thế giới (kể cả các vùng lãnh thổ): Với khoảng trên 170 quốc gia và trên 30 vùng lãnh thổ tham gia vào nền kinh tế thế giới, các chủ thể kinh tế quốc tế này được coi là các chủ thể đầy đủ xét về mặt chính trị, cũng như về mặt kinh tế và luật pháp. Ngày nay các quốc gia và vùng lãnh thổ đều là các chủ thể độc lập. Quan hệ giữa các chủ thể này được bảo đảm bằng các hiệp định quốc tế ký kết theo những điều khoản của công pháp quốc tế. Các chủ thể này theo trình độ phát triển kinh tế gồm có các nước phát triển, các nước đang phát triển và các nước chậm phát triển.

- Các chủ thể kinh tế ở cấp độ thấp hơn phạm vi quốc gia: Đây là những công ty, xí nghiệp, tập đoàn, đơn vị kinh doanh tham gia vào nền kinh tế thế giới thường là ở mức độ thấp và phạm vi hẹp cả về khối lượng buôn bán và đầu tư cũng như số lượng các chi nhánh hoạt động ở nước ngoài. Các chủ thể này không được coi là những chủ thể đầy đủ từ khía cạnh chính trị và pháp lý giống như chủ thể là các quốc gia độc lập. Các chủ thể này tham gia vào các hoạt động kinh tế quốc tế dựa trên những hợp đồng thương mại hoặc đầu tư được thoả thuận giữa các bên trong khuôn khổ của những hiệp định ký kết giữa các chủ thể nhà nước nêu trên. Các công ty xuyên quốc gia là loại hình tổ chức kinh doanh đặc biệt, chúng có tầm hoạt động rộng lớn ở nhiều quốc gia khác nhau, thậm chí vượt khỏi sự kiểm soát của một nhà nước nhất định và trở thành loại chủ thể thứ ba.

- Các chủ thể ở cấp độ vượt ra ngoài khuôn khổ quốc gia: Đây là những thiết chế quốc tế, các tổ chức quốc tế hoạt động với tư cách là những thực thể

độc lập có địa vị pháp lý rộng hơn địa vị pháp lý rộng hơn địa vị pháp lý của thể quốc gia. Các tổ chức quốc tế xuất hiện do quá trình quốc tế hoá đời sống kinh tế và sự phát triển của liên kết kinh tế quốc tế như tổ chức Liên hiệp quốc và các tổ chức chuyên môn của nó (Quỹ tiền tệ quốc tế - IMF, Ngân hàng thế giới - WB ...), các liên kết kinh tế quốc tế khu vực như: Liên minh Châu Âu (EU), Khu vực mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA), Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN) ... Ngoài ra còn có các Hiệp hội ngành hàng như Hiệp hội chè thế giới, Hiệp hội tơ tằm thế giới ...

Ngoài ba loại chủ thể nêu trên, trong nền kinh tế thế giới ngày nay còn có một loại chủ thể đặc biệt, đó là các công ty xuyên quốc gia, công ty đa quốc gia và công ty siêu quốc gia. Cho đến nay các thuật ngữ nói trên chưa được sử dụng một cách thống nhất, tùy thuộc vào nội dung kinh tế cụ thể của từng trường hợp.

Thuật ngữ "công ty đa quốc gia" thường được dùng để chỉ các công ty mà vốn của nó thuộc sở hữu của các doanh nghiệp hoặc cá nhân thuộc nhiều quốc tịch khác nhau, và do đó phạm vi hoạt động kinh doanh của nó cũng diễn ra ở trên lãnh thổ nhiều quốc gia khác nhau. Trong trường hợp này, người ta chưa chú ý đến tỷ trọng vốn đóng góp của từng bên và cũng chưa quan tâm đến mức kinh tế của các công ty đó.

Thuật ngữ "công ty xuyên quốc gia" được sử dụng một cách tương đối phổ biến trong các sách báo kinh tế, nó dùng để chỉ những công ty có trụ sở chính ở một quốc gia nào đó, tầm hoạt động của các công ty này vươn sang nhiều quốc gia khác (có các công ty con, các chi nhánh, các văn phòng đại diện ... ở các quốc gia ấy), các công ty này có sức mạnh kinh tế to lớn, giữ vai trò chi phối một lĩnh vực thị trường liên quan đến nhiều quốc gia. Bởi vậy, những công ty xuyên quốc gia có khả năng nằm ngoài tầm kiểm soát của một Chính phủ. Những công ty này được phát triển một cách mạnh mẽ trong hơn 3 thập kỷ gần đây và ngày càng giữ vai trò có tính chất chi phối đến các quan hệ kinh tế quốc tế.

Còn thuật ngữ "công ty siêu quốc gia" cũng được sử dụng trong một số trường hợp, chủ yếu ám chỉ tầm hoạt động của những công ty này vượt ra ngoài lãnh thổ của một quốc gia mà không quan tâm đến việc hình thành và tổ chức bộ máy của nó.

Các loại công ty nói trên là một loại chủ thể kinh tế quốc tế quan trọng vì nó chiếm tỷ trọng lớn trong các hoạt động thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, chuyển giao công nghệ. Nhưng khi phân nhóm, không thể coi các loại công ty này những chủ thể kinh tế ở cấp độ thấp hơn phạm vi quốc gia, đồng thời cũng không thể khẳng định nó là các chủ thể ở cấp độ vượt ra ngoài khuôn khổ quốc gia.

*** *Bộ phận thứ hai là các quan hệ kinh tế quốc tế:*** Đây là bộ phận cốt lõi của nền kinh tế thế giới, chúng là kết quả tất yếu của sự tác động qua lại giữa các chủ thể kinh tế quốc tế đã nói ở trên. Quan hệ kinh tế quốc tế ra đời trên cơ sở phát triển các hoạt động thương mại quốc tế, hoạt động đầu tư quốc tế, hoạt động xuất và nhập khẩu sức lao động, các hoạt động dịch vụ quốc tế, hoạt động chuyển giao công nghệ, hoạt động tài chính và tín dụng quốc tế ... Nội dung của các quan hệ kinh tế quốc tế ngày càng phong phú và đa dạng, nó có liên quan đến tất cả các giai đoạn của quá trình tái sản xuất, nó diễn ra ở mọi doanh nghiệp, mọi địa phương, mọi ngành kinh tế quốc dân.

Căn cứ vào đối tượng vận động, các quan hệ kinh tế quốc tế gồm có:

- Các quan hệ về di chuyển quốc tế hàng hoá và dịch vụ: Đó chính là việc mua bán hàng hoá và dịch vụ giữa các quốc gia. Việc mua bán hàng hoá hiểu theo nghĩa hẹp là các hàng hoá vật chất (hàng hoá hữu hình), còn hiểu theo nghĩa rộng thì nó bao gồm tất cả các hàng hoá phi vật chất (hàng hoá vô hình). Trong thực tế, các quan hệ di chuyển quốc tế về hàng hoá và dịch vụ được gọi là hoạt động thương mại quốc tế.

- Các quan hệ về di chuyển quốc tế vốn tư bản: Đây là việc đưa các nguồn vốn từ nước này sang nước khác để thực hiện các hoạt động đầu tư, bao gồm đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp. Các quan hệ về di chuyển quốc tế vốn tư bản trong thực tế được gọi là hoạt động đầu tư quốc tế.

- Các quan hệ về di chuyển quốc tế sức lao động: Đó là việc di cư một cách tạm thời một bộ phận dân cư trong độ tuổi lao động giữa các quốc gia với nhau để điều chỉnh quan hệ cung cầu về sức lao động theo trình độ chuyên môn khác nhau giữa các quốc gia. Đó chính là hoạt động xuất và nhập khẩu sức lao động. Thực chất của hoạt động xuất và nhập khẩu lao động cũng là một loại hình

xuất - nhập khẩu dịch vụ quốc tế nhưng do đặc điểm riêng của đối tượng trao đổi nên nó trở thành một lĩnh vực riêng.

- Các quan hệ về di chuyển quốc tế các phương tiện tiền tệ: Đó là việc di chuyển các loại tiền mặt, các loại kim khí quý, các loại giấy tờ có giá trị (trái phiếu, cổ phiếu, chứng khoán, hối phiếu ...) giữa các quốc gia nhằm phục vụ cho hoạt động lưu thông tiền tệ, hoạt động tín dụng, hoạt động thanh toán cũng như hoạt động đầu tư ... Như vậy, giữa việc di chuyển quốc tế các phương tiện tiền tệ và việc di chuyển quốc tế vốn tư bản có một bộ phận trùng hợp với nhau, những giữa chúng vẫn có sự khác nhau quan trọng. Không phải mọi sự di chuyển quốc tế về vốn đều là sự di chuyển quốc tế các phương tiện tiền tệ (vốn không phải bằng tiền) và ngược lại, không phải mọi sự di chuyển quốc tế về tiền tệ đều có liên quan đến sự di chuyển quốc tế về vốn.

Nội dung các quan hệ kinh tế quốc tế là rất phong phú và phức tạp. Theo đà phát triển của khoa học và công nghệ, với nhu cầu của con người ngày càng đa dạng, nội dung của các quan hệ kinh tế quốc tế nói trên tiếp tục phát triển về chiều rộng và chiều sâu. Trong thực tế, nội dung của kinh tế quốc tế còn bao gồm hợp tác và trao đổi quốc tế, về khoa học công nghệ và nhiều hoạt động quốc tế khác. Chính sự phong phú và chiều sâu của các quan hệ kinh tế quốc tế này tạo nên cốt lõi và đánh dấu trình độ phát triển ngày càng cao của nền kinh tế thế giới.

Nền kinh tế thế giới là một thực thể thống nhất hữu cơ của 2 bộ phận nói trên, nó vận động theo những quy luật khách quan của quá trình phân công lao động quốc tế và của hoạt động đầu tư và thương mại quốc tế. Cơ cấu của nền kinh tế thế giới biến đổi gắn liền với các cuộc cách mạng công nghiệp. Ngày nay với xu hướng khu vực hoá và toàn cầu hoá làm tăng dần tính đa dạng của các mối quan hệ kinh tế quốc tế và làm tăng tính chỉnh thể của nền kinh tế thế giới.

2.2. Cơ cấu của nền kinh tế thế giới

Cơ cấu của nền kinh tế thế giới có thể được xem xét trên nhiều góc độ:

- Theo hệ thống kinh tế - xã hội, người ta chia nền kinh tế thế giới ra thành hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa, hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa và hệ thống kinh tế của các nước thuộc thế giới thứ ba. Thực ra sự phân chia này chủ yếu có ý nghĩa về mặt nhận thức chính trị và tư tưởng, còn trên thực tế nó mang

tính hết sức tương đối do sự biến đổi và sự đan xen giữa các mô hình kinh tế - xã hội khác nhau đang diễn ra ngày càng mạnh mẽ trong thế giới hiện đại. Ngay trong các quốc gia tư bản chủ nghĩa phát triển cao cũng không phải chỉ tồn tại duy nhất loại hình kinh tế tư bản chủ nghĩa. Đối với các nước thuộc thế giới thứ ba cũng đang diễn ra sự phối hợp và đan xen giữa nhiều mô hình kinh tế - xã hội và mô hình phát triển khác nhau. Sự tan rã của mô hình chủ nghĩa xã hội kiểu Liên Xô (cũ) và Đông Âu chỉ chứng minh sự yếu kém và không phù hợp với thực tiễn của một mô hình cứng nhắc nào đó, còn phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa với tư cách là một chế độ xã hội ưu việt vẫn là mục tiêu hướng tới trong tương lai và trên thực tế người ta vẫn đang tìm cách biến nó thành hiện thực sao cho phù hợp với đặc điểm và trình độ phát triển ở một số quốc gia.

- Theo trình độ phát triển kinh tế, người ta chia nền kinh tế thế giới thành 3 nhóm quốc gia: Các nước công nghiệp phát triển cao, các nước đang phát triển và các nước chậm phát triển. Theo cách phân chia này, thế giới ngày nay có khoảng 30 quốc gia được xếp vào nhóm các nước công nghiệp phát triển cao với đặc trưng là họ đã hoàn thành quá trình công nghiệp hoá nền kinh tế quốc dân, đạt được cơ cấu kinh tế hiện đại và có mức GDP bình quân đầu người một năm hàng chục ngàn USD. Một số nước công nghiệp mới (NICs) đã dần dần được chuyển lên nhóm các nước công nghiệp phát triển cao này. Nhóm các nước đang phát triển chiếm đại bộ phận số lượng các quốc gia trong nền kinh tế thế giới. Những quốc gia này đang thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để tiến hành công nghiệp hoá đất nước họ và bước đầu cũng đạt được những kết quả nhất định trong việc đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế. Trong số các nước đang phát triển, có một số nước đạt được thành công với sự tăng trưởng kinh tế cao trong 3 - 4 thập kỷ gần đây và họ được xếp thành nhóm các nước công nghiệp mới (NICs). Trên thế giới ngày nay, còn có một số quốc gia do điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội và tự nhiên của họ không thuận lợi, mặc dù đã giành được độc lập dân tộc nhưng vẫn ở tình trạng nghèo đói và tốc độ phát triển kinh tế rất thấp, nền kinh tế của các quốc gia này được xếp vào nhóm các nền kinh tế chậm phát triển.

Ngoài hai cách phân chia trên, người ta còn có thể xem xét kết cấu của nền kinh tế thế giới theo nhiều tiêu thức khác nhau như theo khu vực địa lý, theo trình độ công nghệ, theo đặc điểm dân tộc - văn hoá - lịch sử ...

3- CÁC GIAI ĐOẠN PHÁT TRIỂN CỦA NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI

Theo tiến trình lịch sử của sự vận động các quan hệ kinh tế quốc tế, nền kinh tế thế giới hình thành sau sự ra đời của thị trường thế giới. Bởi vì, chỉ khi phân công lao động quốc tế và các quan hệ kinh tế quốc tế phát triển đến một giai đoạn nhất định mới đạt tới điều kiện của sự hình thành nền kinh tế thế giới. Ở hình thái ban đầu, nền kinh tế thế giới mới chỉ thể hiện qua những mối quan hệ buôn bán diễn ra có tính chất tự nhiên giữa các quốc gia trên thế giới. Khi ấy, phân công lao động quốc tế diễn ra có tính chất tự phát, chủ yếu dựa trên sự khác biệt về điều kiện tự nhiên sẵn có của từng nước. Đến cuối thế kỷ XV và đầu thế kỷ XVI, nhờ những phát kiến địa lý vĩ đại của Christoph Colombo (1446 - 1506) nền sản xuất hàng hoá tư bản đã vượt qua các biên giới quốc gia, hình thành các trung tâm thương mại quốc tế lớn trên thế giới. Vào giai đoạn này, phân công lao động quốc tế đã dần dần chuyển sang tự giác trên cơ sở lợi thế so sánh của từng nước.

Cơ cấu sản xuất và trao đổi quốc tế được biến đổi về chất theo các cuộc cách mạng công nghiệp.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ nhất (1820-1870) làm cho giao thông vận tải phát triển nhanh chóng, công nghiệp được mở rộng và bước đầu hình thành một thị trường thế giới rộng lớn.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai (1870-1913) gây ra những biến đổi lớn trong các ngành điện lực, hoá chất, luyện kim ... Những thay đổi cơ bản trong buôn bán quốc tế tăng cường quá trình đầu tư quốc tế, hình thành những quan hệ kinh tế quốc tế ngày càng bền vững. Đây là thời kỳ đánh dấu sự xuất hiện nền kinh tế thế giới - một thực thể thống nhất hữu cơ bao gồm cả hoạt động sản xuất, buôn bán, đầu tư, tài chính - tín dụng diễn ra giữa các quốc gia chủ đạo và các khu vực kinh tế chủ yếu trên thế giới.

Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba (1913-1950) làm xuất hiện và phát triển nhanh chóng các ngành năng lượng hạt nhân, hoá dầu, công nghệ vũ trụ và khai thác đáy đại dương, tin học, công nghệ sinh học ... làm gia tăng dòng

đầu tư và buôn bán quốc tế, thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế thế giới lên một cơ sở vật chất - kỹ thuật mới.

Hiện nay, nền kinh tế thế giới đang đi vào cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư với các hướng chủ yếu như phát triển ngành vi điện tử, tin học, thông tin viễn thông và tự động hoá, năng lượng mới, vật liệu mới, công nghệ sinh học ... Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đưa tới sự biến đổi sâu sắc về cơ cấu kinh tế của các quốc gia và đưa xã hội loài người bước sang một nền văn minh mới, nền văn minh thứ ba. Phân công lao động quốc tế diễn ra cả về chiều rộng và chiều sâu với những mức độ và phạm vi khác nhau. Quá trình khu vực hoá và toàn cầu hoá tác động đan xen lẫn nhau. Các mối quan hệ kinh tế phát triển đa dạng với những cường độ khác nhau làm tăng tính chỉnh thể của nền kinh tế thế giới.

4. BỐI CẢNH MỚI CỦA NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI

Nền kinh tế thế giới đang bước vào thiên niên kỷ thứ 3 với những đặc điểm mới trong tốc độ tăng trưởng, trong sự thay đổi cơ cấu và đặc biệt là sự sống động trong các quan hệ kinh tế quốc tế.

a. Tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế thế giới diễn ra không đều giữa các quốc gia, giữa các khu vực, giữa các nhóm nước và giữa các thời kỳ. Sau những năm trì trệ đầu thập kỷ 90, kinh tế thế giới tăng trưởng khá cao trong 2 năm 1995 - 1996 (3,8%) song lại bị suy giảm nhẹ vào năm 1997 (3,5%) và tiếp tục tăng không đều ở các năm tiếp theo. Nền kinh tế các nước công nghiệp phát triển trong nhóm G7 được phục hồi. Riêng kinh tế Nhật Bản đang đứng trước những vấn đề nan giải, và đang đòi hỏi những cải cách đáng kể nếu như nó muốn trở lại tăng trưởng với tốc độ cao. Kinh tế các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước mới công nghiệp hoá (NICs) vẫn đạt mức tăng trưởng khá cao, đặc biệt Trung Quốc vẫn đạt tốc độ rất cao (9%). Riêng các nước ASEAN do ảnh hưởng của khủng hoảng tài chính tiền tệ nên tốc độ tăng trưởng chậm lại, gần đây đã bước sang giai đoạn phục hồi. Kinh tế các nước Mỹ La tinh cũng đang tiếp tục phục hồi với tốc độ tăng GDP 3,3% sau cuộc khủng hoảng tiền tệ ở Mêhicô năm 1994. Kinh tế các nước châu Phi cũng được phục hồi tốc độ tăng toàn châu lục về GDP đạt khoảng 3%. Kinh tế các nước Đông Âu (kể cả các nước SNG) đã xoay bản lề bước sang thời kỳ mới với tốc độ tăng trưởng GDP

duy (1,7%). Diễn hình là kinh tế Cộng hoà liên bang Nga đã chấm dứt thời kỳ suy thoái 10 năm. Năm 2000 các các chỉ tiêu phát triển kinh tế CHLB Nga đã thể hiện rõ dấu hiệu tích cực.

Như vậy tốc độ tăng trưởng kinh tế của các nước và nhóm nước diễn ra rất không đều, làm mở rộng hơn nữa hố sâu ngăn cách về sự giàu có và trình độ phát triển giữa các quốc gia.

b- Thương mại quốc tế tiếp tục gia tăng với tốc độ khá cao gấp khoảng hơn 2 lần so với tốc độ tăng trưởng GDP, thể hiện xu hướng tự do hoá thương mại trong quá trình toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên sự gia tăng thương mại không đều giữa các nước và nhóm nước đưa đến tình trạng thặng dư thương mại của một số nước này và sự thâm hụt của một số nước khác. Sự cạnh tranh trong buôn bán quốc tế ngày càng gay gắt. Đặc biệt, thặng dư thương mại giữa các nước châu Á với Mỹ cùng với sự căng thẳng chính trị nảy sinh trong quá trình đó trở thành những vấn đề tiềm ẩn của những nguy cơ trong nền thương mại thế giới.

c- Đầu tư nước ngoài trên thế giới vẫn tiếp tục gia tăng ở mức độ cao hơn mức độ gia tăng của thương mại quốc tế (trên 10%/năm) với những thay đổi đáng kể trong cơ cấu chủ đầu tư, cơ cấu lĩnh vực đầu tư cũng như tính đa phương và đa chiều, đa hình thức của hoạt động đầu tư quốc tế. Sự thành công trong phát triển kinh tế của các nước tiếp nhận đầu tư phản ánh các dòng vốn ồ ạt đổ vào các thị trường đầu tư mới nổi lên trong những năm gần đây, đồng thời cũng thể hiện quá trình chuyển đổi mạnh mẽ sang hệ thống tài chính toàn cầu thông thoáng hơn. Tuy nhiên các quốc gia trước hết là các nước đang phát triển, cũng cần phải thận trọng hơn trước sự tiếp nhận với quy mô ngày càng lớn các dòng vốn nói trên vì bản thân sự vận động của chúng rất dễ bị tổn thương do sự nhạy cảm của thị trường vốn quốc tế vì những ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình phát triển bền vững cũng như những hậu quả tiêu cực khác có thể xảy ra trong hoạt động đầu tư quốc tế.

d- Thị trường tài chính toàn cầu phát triển đang đặt ra những vấn đề hết sức nghiêm trọng đối với các nước quan hệ tài chính - tiền tệ quốc tế. Các quan hệ tài chính - tiền tệ quốc tế diễn ra với tốc độ vận hành tức thời của mạng lưới thông tin viễn thông hiện đại vừa thúc đẩy sự phát triển nhanh chóng của những

quan hệ thương mại và đầu tư quốc tế, vừa đặt ra những yêu cầu mới cho việc kiểm soát những rủi ro về hối đoái cũng như về khả năng thanh toán. Sự cạnh tranh giữa các đồng tiền, trước hết là những ngoại tệ mạnh, trong hệ thống tiền tệ quốc tế ngày càng gay gắt. Các cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực, sự chao đảo của thị trường chứng khoán thế giới, sự gia tăng của các khoản nợ nước ngoài, đặc biệt là những khoản nợ không có khả năng thanh toán có thể gây nên những biến động mạnh và sự thiệt hại to lớn cho không những một nhóm nước mà cả cho nền kinh tế toàn cầu. Bởi vậy cần thiết phải có những tổ chức và cơ chế phối hợp một cách nhạy bén trên phạm vi toàn thế giới để dự báo và ngăn ngừa những rủi ro trên thị trường chứng khoán và tiền tệ thế giới. Vai trò của các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế ngày càng trở nên quan trọng và đang đặt ra những yêu cầu mới đối với việc hình thành các tổ chức tài chính tiền tệ khu vực cũng như cải tổ các tổ hiện có.

e- Bên cạnh các quá trình phát triển kinh tế, các vấn đề xã hội và môi trường sinh thái đặt ra ngày càng gay gắt. Đó là các vấn đề giải quyết nạn thất nghiệp, vấn đề đói nghèo, vấn đề bệnh tật của xã hội hiện đại, vấn đề thay đổi khí hậu và thời tiết, vấn đề dân số, lương thực, năng lượng ... Đây chính là các vấn đề có tính chất toàn cầu, liên quan đến sự phát triển và sự sống còn của tất cả các quốc gia, đòi hỏi sự phối hợp liên quốc gia, thậm chí trên bình diện toàn cầu trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến sự phát triển bền vững của các dân tộc.

g- Trong các hoạt động kinh doanh quốc tế, sự cạnh tranh diễn ra ngày càng gay gắt hơn đồng thời quá trình hợp tác cũng diễn ra ngày càng phong phú hơn, ở nhiều cấp độ khác nhau, rộng và sâu hơn. Các phương thức cạnh tranh mới xuất hiện. Muốn đạt được thắng lợi trong cạnh tranh đòi hỏi một sự năng động, một tầm nhìn rộng rãi, một sự thích ứng thường xuyên, một trình độ khoa học và công nghệ cao cũng như sự am hiểu về nền văn hoá, tâm lý của các dân tộc, một trình độ quản lý giỏi và khả năng hợp tác đầu tư quốc tế. Đi đôi với cạnh tranh là sự hợp tác với các cấp độ khác nhau, các bình diện khác nhau, các hình thức khác nhau. Sự hợp tác diễn ra trong hoạt động buôn bán, hoạt động đầu tư, hoạt động chuyển giao công nghệ cũng như trong các loại hình dịch vụ khác nhau. Các khuôn khổ mới cho sự hợp tác phát triển giữa các quốc gia được

hình thành theo khu vực cũng như trên phạm vi toàn thế giới. Sự hội nhập khu vực và quốc tế của các quốc gia, đặc biệt là đối với các nước đang phát triển diễn ra với quy mô ngày càng lớn và cường độ ngày càng mạnh mẽ. Điều đó tạo nên cơ hội mới cho sự phát triển nhưng đồng thời cũng đặt ra những thách thức mới cho tất cả các quốc gia, trước hết là các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam.

h- Các trung tâm kinh tế và cường quốc kinh tế mới được hình thành và phát triển, chúng giữ vai trò ngày càng lớn trong sự vận động của các quan hệ kinh tế quốc tế, tác động ngày càng mạnh đến quá trình quốc tế hoá thể hiện trên các bình diện toàn cầu hoá và khu vực hoá nền kinh tế thế giới.

Nền kinh tế thế giới đang chuyển từ trật tự cũ sang trật tự mới với một số nét đại lược như sau:

* Ba liên minh kinh tế lớn chi phối các quan hệ kinh tế quốc tế:

- Liên minh châu Âu (EU) sẽ mở rộng ra 20 nước từ năm 2001 và có thể sẽ được mở rộng ra hơn nữa.

- Khối NAFTA cũng mở rộng ra khỏi khuôn khổ Bắc Mỹ. Đồng thời cũng sẽ hình thành khu vực Mậu dịch tự do cho các nước châu Mỹ La tinh từ sau năm 2000.

- APEC sẽ trở thành khối mậu dịch tự do từ năm 2020 với dân số và tiềm lực kinh tế và kỹ thuật khổng lồ.

* Các cường quốc thế giới mới nổi lên như Trung quốc, Ấn Độ, CHLB Nga, CHLB Đức ... Riêng khu vực châu Á, các nhân tố giữ vai trò quan trọng là Trung Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Hàn Quốc và các nước công nghiệp mới NICs.

* Hình thành trật tự kinh tế mới với các liên kết kinh tế khu vực và tiểu khu vực, các trung tâm kinh tế lớn giữ vai trò quan trọng trong việc chi phối các quan hệ kinh tế quốc tế. Sự phân hoá giữa các nước giàu nghèo ngày càng nổi rõ. Nguy cơ đối với các quốc gia đang phát triển tăng lên và càng ở vị trí bất lợi hơn trong giao lưu kinh tế quốc tế. Vấn đề dân tộc và quốc gia cũng nổi lên và chi phối các quan hệ kinh tế quốc tế.

2- NHỮNG XU THẾ LỚN TRONG SỰ VẬN ĐỘNG CỦA NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ DỰ BÁO TƯƠNG LAI CỦA NỀN KINH TẾ THẾ GIỚI

2.1. Khái niệm

Nền kinh tế thế giới ngày càng chịu sự tác động của rất nhiều nhân tố khác nhau, cả nhân tố kinh tế, kỹ thuật, xã hội, chính trị cũng như các nhân tố tự nhiên. Sự vận động của nền kinh tế thế giới cũng diễn ra với nhiều xu thế khác nhau, thậm chí trái ngược nhau, bởi vì thế giới là sự thống nhất của các mâu thuẫn.

2.2. Xu thế

Từ những năm 80 của thế kỷ XX, sự phát triển của nền kinh tế thế giới đã chịu sự tác động của một loạt những xu thế mới, trong đó nổi bật lên là:

- Xu thế phát triển mang tính bùng nổ của cách mạng khoa học và công nghệ.
- Xu thế quốc tế hoá đời sống kinh tế thế giới.
- Xu thế chuyển từ đối đầu sang đối thoại, từ biệt lập sang hợp tác với sự ưu tiên các nguồn lực cho phát triển kinh tế.

Bên cạnh nhiều xu thế khác, ba xu thế nói trên giữ vai trò chủ yếu trong việc định hướng phát triển của nền kinh tế thế giới nói chung, sự phát triển kinh tế của từng quốc gia nói riêng. Nó giữ vai trò chủ yếu vì chúng phản ánh động lực của sự phát triển (xu thế thứ nhất), trạng thái của sự phát triển (xu thế thứ hai) và phương thức của sự phát triển (xu thế thứ ba) của nền kinh tế thế giới.

2.3. Bước sang thế kỷ XXI, ba xu thế nói trên vẫn tiếp tục thể hiện vai trò có tính bao trùm và thường xuyên quyết định, mặc dù có thêm những sắc thái mới, phức tạp hơn và đa dạng hơn.

Những sắc thái mới này thể hiện ở các khía cạnh sau:

a. Do tác động của cách mạng khoa học - công nghệ với một cường độ lớn hơn và trình độ cao hơn làm thay đổi cơ cấu các ngành sản xuất và dịch vụ mạnh mẽ hơn và sâu sắc hơn, thể hiện ở một số hướng sau:

- Các ngành công nghiệp "cổ điển" giảm dần tỷ trọng và vai trò của nó, trở nên "mãn chiều xế bóng". Các ngành có hàm lượng khoa học - công nghệ cao tăng nhanh, đặc biệt là các ngành dịch vụ kỹ thuật phục vụ sản xuất. Chúng giữ vai trò "khớp nối", bảo đảm cho toàn bộ quá trình tái sản xuất xã hội được thông suốt và phát triển với tốc độ cao.

- Cơ cấu kinh tế trở nên "mềm hoá", khu vực kinh tế phi hình thức được mở rộng, nền "kinh tế tượng trưng" có quy mô lớn hơn nền "kinh tế thực" nhiều lần.

- Cơ cấu lao động theo ngành nghề có sự thay đổi sâu sắc, xuất hiện nhiều nghề mới, những nghề với sự đan kết của nhiều lĩnh vực khoa học - công nghệ.

b. Do tác động của cách mạng khoa học - công nghệ, của sự phân công lao động quốc tế, do vai trò và tầm hoạt động mới của các công ty đa quốc gia và xuyên quốc gia, quá trình quốc tế hoá nền kinh tế thế giới ngày càng phát triển mạnh mẽ cả về chiều rộng và chiều sâu trên 2 cấp độ toàn cầu hoá và khu vực hoá và đưa đến sự chuyển biến nhanh chóng của thể chế kinh tế thế giới, đưa nền kinh tế thế giới trên bước vào cạnh tranh toàn cầu bên cạnh việc đẩy mạnh tìm kiếm sự hợp tác trong cạnh tranh.

Thể chế kinh tế thế giới chuyển biến theo hướng thị trường hoá nền kinh tế của từng quốc gia; quốc tế hoá thể chế kinh tế giữa các nước theo hướng mở cửa với sự xuyên suốt của thể chế thị trường; theo hướng nhất thể hoá và tập đoàn hoá kinh tế khu vực (thành lập và phát triển các tổ chức kinh tế quốc tế, các liên kết kinh tế khu vực dưới dạng hiệp hội mậu dịch tự do, đồng minh thuế quan, khu vực đầu tư tự do, Liên minh kinh tế ...).

c. Xu thế toàn cầu hoá kinh tế gia tăng với các biểu hiện mới về vai trò ngày càng lớn của hoạt động tài chính - tiền tệ; sự gia tăng của Mậu dịch quốc tế nhanh hơn nhiều tốc độ tăng trưởng kinh tế; việc gia tăng làn sóng sáp nhập các công ty xuyên quốc gia; vai trò ngày càng quan trọng của trí thức và sự phát triển loại hình kinh tế tri thức. Công nghệ thông tin phát triển làm thay đổi cách thức tổ chức sản xuất và đời sống, đưa đến sự tác động ngày càng lớn của kinh tế đến chính trị và xã hội.

Quá trình toàn cầu hoá diễn ra cả bề rộng và bề sâu, một mặt đưa tới cơ hội cho sự phát triển kinh tế của từng quốc gia cũng như của toàn thế giới, giúp cho việc sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên hiện có trên trái đất cũng như gây tác động ngược trở lại đối với sự phát triển của cách mạng khoa học - công nghệ và đối với việc phân công lao động quốc tế.

Tuy nhiên, quá trình toàn cầu hoá kinh tế cũng đưa đến những thách thức lớn ở nhiều góc độ khác nhau như sự gia tăng của các rủi ro kinh tế (khủng

hoảng tài chính - tiền tệ khu vực, sự sụt giảm của thương mại toàn cầu, việc hình thành các "bong bóng" tài chính và tiền tệ ...) cũng như gây nên mâu thuẫn giữa kinh tế với chính trị và xã hội (làm suy giảm tính độc lập và chủ quyền quốc gia, gây nên sự phụ thuộc quá mức vào các trung tâm kinh tế lớn, phương hại đến sự phát triển văn hoá dân tộc ...). Trong quá trình toàn cầu hoá kẻ mạnh thường là thu được nhiều lợi ích hơn còn người yếu dễ bị thua thiệt. Những quốc gia có tiềm lực lớn, có điều kiện thuận lợi trong cạnh tranh quốc tế sẽ tìm cách khai thác quá trình toàn cầu hoá và cài đặt các lợi ích của họ. Các quốc gia phát triển chậm hơn không thể bị động theo sau, cũng không thể tham gia vào quá trình toàn cầu hoá một cách bị động và vô vọng được.

2.4. Bên cạnh ba xu thế nổi bật nêu trên, đối với các quốc gia ở châu Á phải kể đến xu thế thứ tư là: Sự phát triển của vòng cung châu Á - Thái Bình Dương với các quốc gia có nền kinh tế hết sức năng động, đạt nhịp độ phát triển cao liên tục qua nhiều năm, đang làm cho trung tâm của nền kinh tế thế giới dịch chuyển dần về khu vực này. Vòng cung châu Á - Thái Bình Dương có khoảng 2 tỷ dân, chiếm gần 40% GNP của toàn thế giới với những tài nguyên thiên nhiên phong phú, đã từng có những nền văn minh rực rỡ trong quá khứ và ngày nay đang chứng tỏ một sự phát triển hết sức mau lẹ, chưa từng có trong tiền tệ. Người ta dự báo rằng thế kỷ XXI là thế kỷ châu Á - Thái Bình Dương. Điều đó tạo điều kiện cho việc hình thành những quan hệ quốc tế mới, tạo nên những khả năng mới cho sự phát triển đồng thời cũng đặt ra những thách thức mới cho tất cả các quốc gia. Sự phát triển của vòng cung châu Á - Thái Bình Dương đòi hỏi mỗi nước phải tính đến trong chiến lược phát triển của mình.

Ngoài những xu thế nêu trên còn có nhiều xu thế khác chi phối sự vận động của nền kinh tế thế giới, thí dụ xu thế "mềm hoá" cơ cấu kinh tế của các quốc gia, xu thế hình thành các liên kết tiểu khu vực (tam giác phát triển, tứ giác phát triển ...), xu thế phát huy các nhân tố truyền thống, xã hội và văn hoá trong cạnh tranh kinh tế, xu thế đa nguyên tranh cực, xu thế phục hồi kinh tế, xu thế cạnh tranh khoa học - kỹ thuật, xu thế chấn chỉnh xã hội, xu thế cạnh giới quốc tế, xu thế bành trướng tôn giáo ...

Trên cơ sở phân tích tác động của các xu thế nêu trên, có thể dự báo tương lai của nền kinh tế thế giới sau vài ba thập kỷ tới.

1- Do tác động của cách mạng khoa học - công nghệ mà kết cấu ngành sản xuất và dịch vụ chuyển dịch theo hướng:

- Các ngành công nghiệp cổ điển giảm dần tỷ trọng và ý nghĩa của nó. Nhiều ngành trở nên mất chiều xé bóng và thu hẹp dần tỷ trọng trong tổng sản phẩm quốc dân.

- Các ngành có hàm lượng khoa học - công nghệ cao tăng nhanh, đặc biệt là các ngành dịch vụ kỹ thuật phục vụ sản xuất chiếm vị trí ngày càng lớn. Chúng giữ vai trò "khớp nối" đảm bảo cho toàn bộ quá trình tái sản xuất xã hội được thông suốt và phát triển với tốc độ cao.

- Kết cấu kinh tế trở nên "mềm hoá", khu vực kinh tế phi hình thức được mở rộng, nền kinh tế "tượng trưng" có quy mô lớn hơn nền kinh tế "thực" nhiều lần. Vai trò của các hoạt động tài chính và tiền tệ, dịch vụ ngân hàng, dịch vụ công nghệ càng trở nên quan trọng, các luồng vốn di chuyển với quy mô lớn và đa chiều giữa các quốc gia trên thế giới.

- Kết cấu lao động theo ngành nghề có những thay đổi sâu sắc, xuất hiện nhiều nghề mới, những nghề với sự đan kết của nhiều lĩnh vực khoa học - công nghệ.

2- Sự phân công lao động quốc tế phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu, vai trò của các công ty đa quốc gia và công ty xuyên quốc gia ngày càng lớn trong sự phát triển của nền kinh tế thế giới. Chúng như những con bạch tuộc không lồ với các vòi hút bám ở khắp nơi với các hệ thống chi nhánh bao trùm mọi lĩnh vực lưu thông hàng hoá, lưu thông tiền tệ, tham gia mạnh mẽ vào quá trình phát triển khoa học - kỹ thuật và chuyển giao công nghệ, thực hiện phân công chuyên môn hoá và hợp tác hoá ở tầm quốc tế cũng như tham gia vào sự điều tiết kinh tế quốc tế. Các công ty lớn theo đuổi giá thành thấp trên phạm vi toàn cầu với cơ cấu tổ chức sản xuất và tiêu thụ tối ưu: Tổ chức nghiên cứu ở nước thứ nhất, sản xuất các yếu tố sản phẩm ở nước thứ hai, lắp ráp ở nước thứ ba, tiêu thụ ở nước thứ tư, gửi tiền ở nước thứ năm ... Các công ty đa quốc gia tìm cách thoát ly khỏi sự kiểm soát của chính phủ, đồng thời ảnh hưởng mạnh đến việc hoạch định chính sách của các chính phủ. Sự cạnh tranh quốc tế ngày càng khốc liệt đi đôi với sự phát triển mạnh mẽ của tình báo công nghiệp.

Mức độ xã hội hoá lao động và tư bản tăng lên. Lao động sống ngày càng có trình độ cao và trở nên đắt đỏ hơn.

3- Phương thức tổ chức của nền sản xuất phát triển theo chiều hướng ngược lại so với tính chất của xã hội công nghiệp, đó là chiều hướng:

- Phi tiêu chuẩn hoá
- Phi chuyên môn hoá
- Phi tập trung hoá
- Phi tối đa hoá

Tự động hoá sản xuất đồng bộ với kỹ thuật điều khiển linh hoạt là đặc điểm nổi bật của tổ chức sản xuất trong tương lai.

4- Xã hội loài người đang bước sang nền văn minh mới với những cơ sở mới cho sự phát triển của nó.

- Cơ sở năng lượng mới với nhiều nguồn khác nhau có thể tái sinh được.
- Cơ sở công nghệ mới: công nghệ không phế thải, công nghệ khép kín.
- Cơ sở nguyên liệu mới: thông tin là một nguồn nguyên liệu lớn.
- Cơ sở tổ chức sản xuất mới: quy mô nhỏ, linh hoạt, ít vốn năng lượng.
- Khái niệm kinh tế mở rộng hơn: phải tính giá thành xã hội, tính lợi ích sinh thái và môi trường, sở hữu trí tuệ là loại hình sở hữu phát triển cao.

Trong cuốn sách "Dự báo thế kỷ XXI" - công trình tập thể của các tác giả Trung Quốc (NXB Thượng Hải - 12/1996) đã nêu lên dự báo về nền kinh tế thế giới thế kỷ XXI với một số xu thế phát triển mới của nền kinh tế thế giới là:

- Cải cách và điều chỉnh
- Xu thế nhất thể hoá
- Tập đoàn hoá khu vực

Mậu dịch quốc tế trở nên "mềm hoá" về nội dung "cao cấp hoá" về cơ cấu, "tập đoàn hoá" về hình thức tổ chức, "cao tốc hoá" về phát triển dịch vụ, "bảo hộ hoá" về lợi ích, "toàn cầu hoá" về quản lý, "đa phương hoá" về thể chế mậu dịch ...

Vai trò mới của các công ty xuyên quốc gia thể hiện ở việc "đa nguyên hoá" chủ thể đầu tư, "toàn cầu hoá" chiến lược kinh doanh, "đa dạng hoá" cơ cấu đầu tư, "địa phương hoá xí nghiệp" của các công ty ở nước ngoài.

Xa lộ thông tin phục vụ cho sự phát triển kinh tế.

Cũng trong cuốn sách trên, người ta dự báo về những đặc trưng mới của "tinh thần kinh tế thị trường hiện đại" trên 6 phương diện sau đây:

Một là, biến động cơ mưu lợi đơn thuần và dục vọng muốn làm giàu về vật chất thành cảm giác tự hào về thành tựu và trách nhiệm xã hội, làm cho hành động kinh tế của toàn dân tộc có động cơ cao hơn hẳn.

Hai là, biến chủ nghĩa coi trọng thương nghiệp và ý thức làm giàu bằng lưu thông hàng hoá thành tinh thần công nghiệp và thực nghiệm.

Ba là, biến ý thức coi trọng tư bản hàng hoá và tiền bạc thành ý thức coi trọng nguồn vốn nhân lực.

Bốn là, biến ý thức hại người lợi mình thành ý thức vừa lợi mình vừa lợi người, tôn trọng tinh thần chính nghĩa và lành mạnh trong trao đổi kinh tế.

Năm là, biến ý thức coi thiên nhiên và tài nguyên thiên nhiên là đối tượng của lao động thành ý thức coi sự thống nhất hữu cơ giữa con người và thiên nhiên trong hiện tại, đề cao lý thuyết sinh thái.

Sáu là, biến ý thức an nhàn hưởng lạc trong sự giàu có vô cùng tận và thủ đoạn làm giàu không lương thiện thành tinh thần siêu việt mưu cầu giá trị và ý nghĩa cuộc sống.

Với những dự báo nêu trên, người ta đưa ra những nét phác thảo về quang cảnh toàn cầu của thiên niên kỷ tới thể hiện ở bước nhảy vọt về khoa học kỹ thuật, ở việc nâng cao chất lượng tăng trưởng kinh tế gắn liền với sức sản xuất sinh thái cũng như ở những đường nét mới về sự phát triển của văn hoá nghệ thuật.

2.5. Khái quát về các vấn đề có tính chất toàn cầu

Cho đến nay, các vấn đề có tính chất toàn cầu bao gồm nhiều loại hình, liên quan đến nhiều lĩnh vực kinh tế - xã hội cũng như tự nhiên. Theo quan điểm của Đảng CS Việt Nam, có bốn vấn đề toàn cầu nổi bật là "giữ vững hoà bình và đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, bảo vệ môi trường sống, hạn chế sự bùng nổ dân số, phòng ngừa và đẩy lùi những bệnh tật hiểm nghèo" (xem cuốn Một vấn đề quan hệ quốc tế và đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xuất bản - 1994). Bên cạnh những vấn đề trên, thực tiễn của đời sống kinh tế xã hội đang tiếp tục xuất hiện những vấn đề có tính chất

toàn cầu khác nữa. Có thể phân loại một cách khái quát các vấn đề có tính chất toàn cầu như sau:

- Các vấn đề có tính chất toàn cầu liên quan đến nguồn lực phát triển: Vấn đề dân số, vấn đề lương thực, vấn đề nguyên liệu, vấn đề năng lượng ...

- Vấn đề có tính chất toàn cầu liên quan đến môi trường sinh thái: Vấn đề nước ngọt, nạn cháy rừng, trái đất nóng dần lên, lỗ thủng tầng ô-zôn, vấn đề ô nhiễm môi trường sinh thái...

- Các vấn đề có tính chất toàn cầu liên quan đến việc tăng trưởng và phát triển kinh tế: Vấn đề nợ nước ngoài, vấn đề thất nghiệp và lạm phát, vấn đề chiến tranh thương mại, vấn đề khủng hoảng tài chính - tiền tệ...

- Các vấn đề có tính chất toàn cầu liên quan đến khía cạnh xã hội: Vấn đề phân cực giàu nghèo, vấn đề bệnh tật của xã hội công nghiệp hiện đại, vấn đề bệnh trướng tôn giáo, vấn đề xung đột chủng tộc và sắc tộc...

Một vấn đề toàn cầu có tính chất bao trùm ảnh hưởng đến sự tồn vong của nhân loại là vấn đề chiến tranh và hoà bình. Mặt khác, số lượng các vấn đề có tính chất toàn cầu càng nảy sinh nhiều hơn. cũng như quy mô, phạm vi ảnh hưởng và tính chất của nó ngày càng phức tạp và lớn hơn. Trong những vấn đề toàn cầu nêu trên, người ta thường đề cập đến và phải đương đầu một cách thường xuyên là vấn đề bùng nổ dân số, vấn đề thiếu lương thực và thiếu năng lượng, vấn đề nợ nước ngoài, vấn đề khủng hoảng tài chính - tiền tệ và vấn đề ô nhiễm môi trường sinh thái... Đến nay, sự bùng nổ dân số vẫn là mối đe dọa đối với sự phát triển của nhiều quốc gia cũng như toàn thể nhân loại. Mặc dù số lượng dân số là điều kiện đầu tiên và có ý nghĩa quyết định cho sự tăng trưởng và phát triển kinh tế nhưng một sự tăng trưởng cao hơn ý muốn vẫn là một sức ép về nhiều phương diện như đảm bảo lương thực, nhà ở, việc làm, y tế, văn hoá... đối với mỗi quốc gia. Dân số Trái đất năm 1825 mới là 1 tỷ người sau nhiều năm phát triển. Một trăm năm sau dân số thế giới tăng gấp đôi tới 2 tỷ người. Một nửa thế kỷ tiếp sau nữa (1925 - 1975) dân số thế giới đã tăng lên 4 tỷ. Đến năm 2000, dân số thế giới khoảng 6 tỷ. Nếu như tốc độ tăng dân số vẫn giữ ở mức của nửa đầu thế kỷ XX thì dân số thế giới sẽ đạt 12 tỷ người vào năm 2050. Tất nhiên điều đó khó có thể xảy ra nhưng để đạt được quy mô dân số phù hợp với các nguồn tài nguyên trên trái đất và sự phát triển của khoa học - công